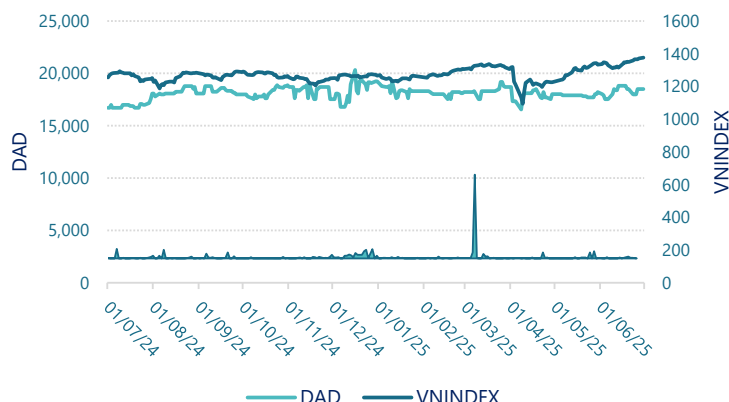


CTCP Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng (HNX: DAD)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	18,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	20,325
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	16,550
SL cổ phiếu LH	4,659,200
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,070
% sở hữu nước ngoài	28.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	86
P/E	9.2
EPS	2,006

DT thuần

Q2/25

268

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 257 | 2431%

YoY: ▼91.0 | -25.3%

LN sau thuế

Q2/25

7.80

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.68 | 6402%

YoY: ▼1.55 | -16.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

3.6%

+/- YoY: ▲ 0.2%

DT thuần

6T 2025

279

tỷ VNĐ

YoY: ▼109 | -28.1%

LN sau thuế

6T 2025

7.92

tỷ VNĐ

YoY: ▼2.08 | -20.7%

ROE

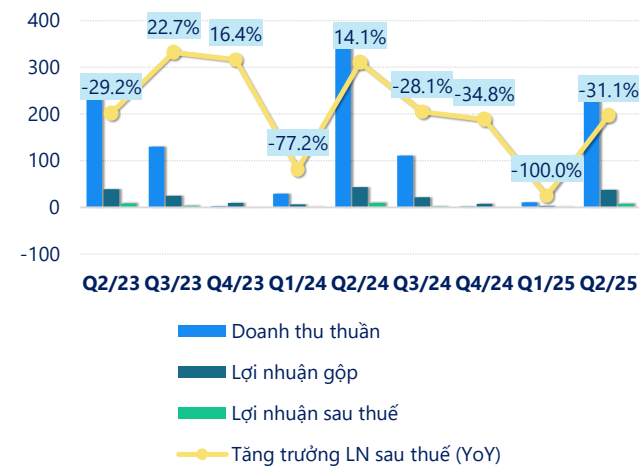
Q2/25

9.7%

+/- YoY: ▼ 4.1%

tỷ VNĐ

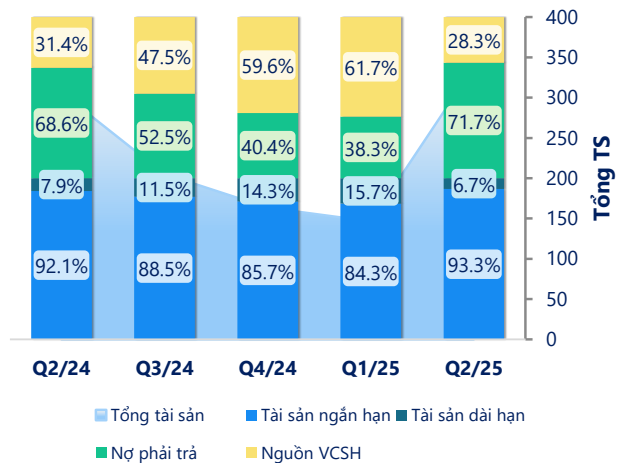
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

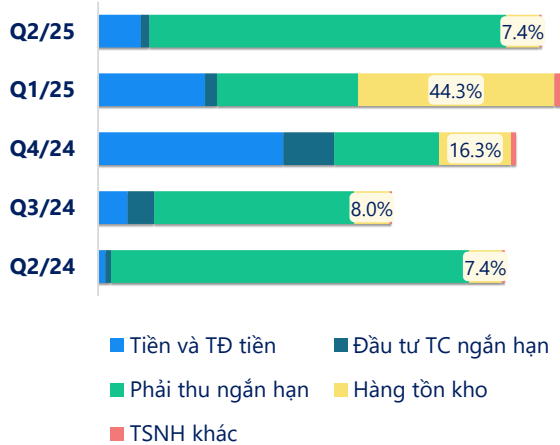
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



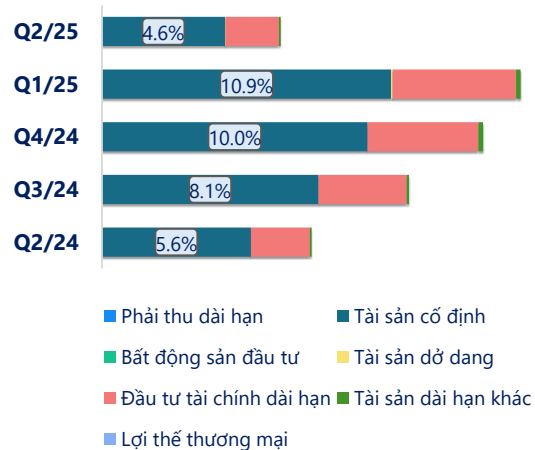
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

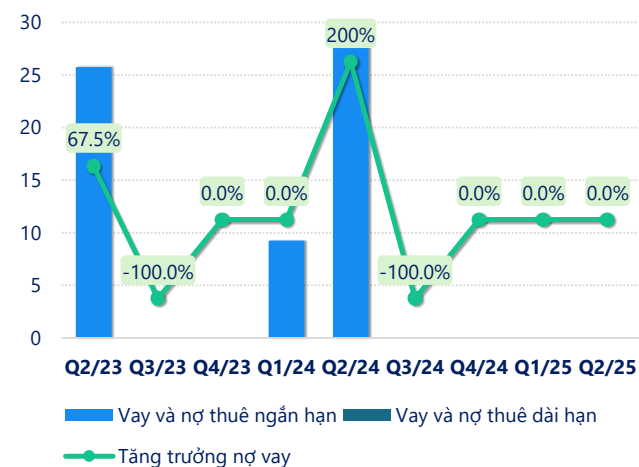
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

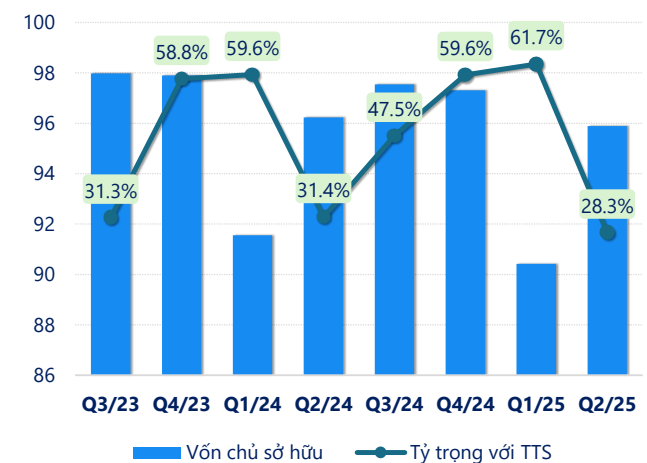
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

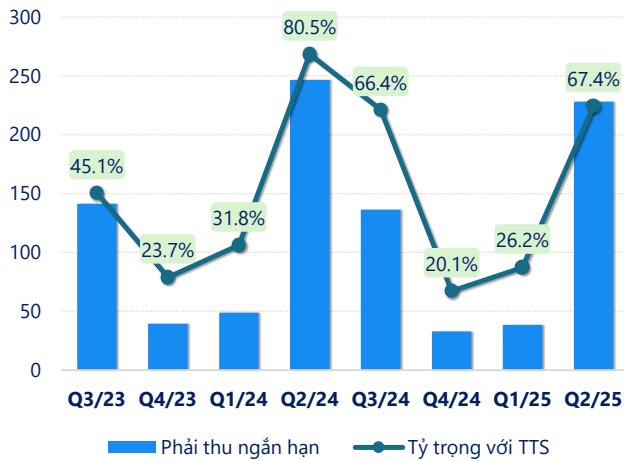
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



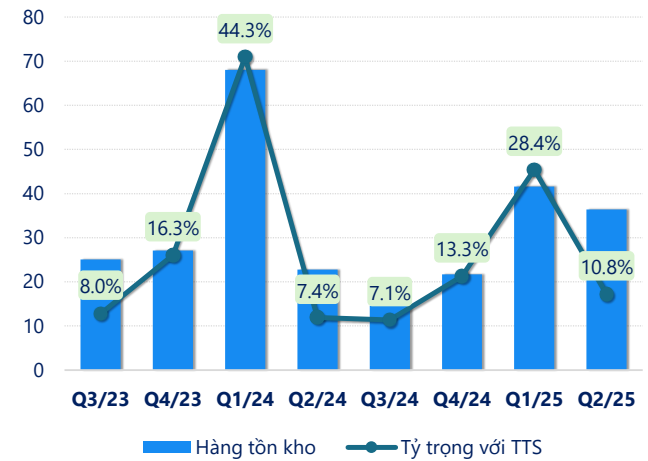
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


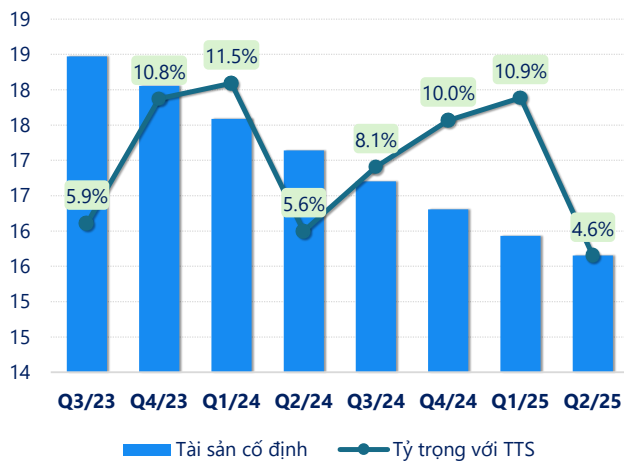
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


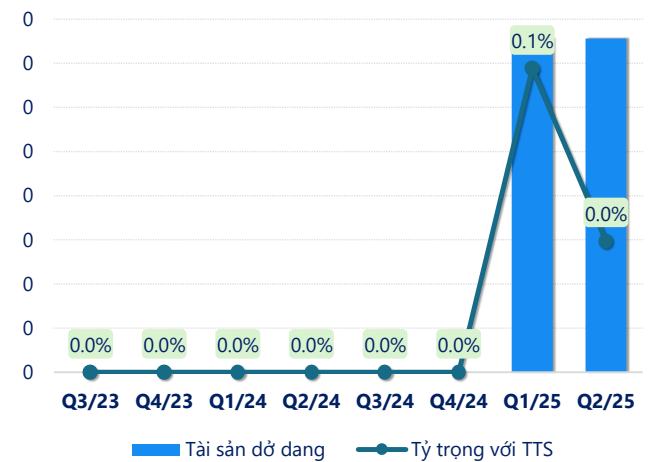
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

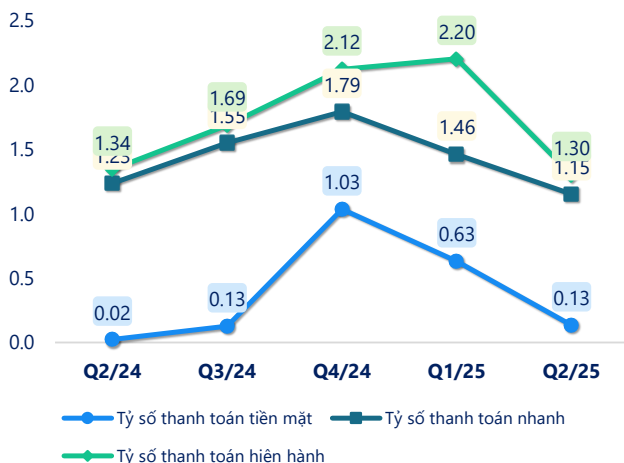
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

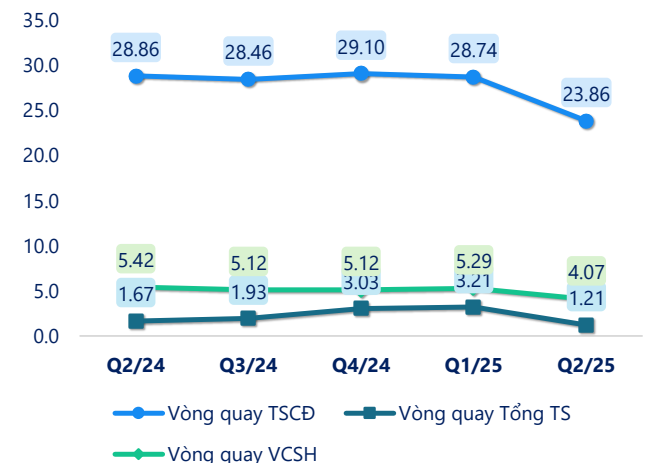
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	306	205	163	146	338
Tài sản ngắn hạn	282	182	140	123	316
Tiền và tương đương tiền	4.94	13.6	68.2	35.4	32.6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.09	16.1	16.1	6.08	17.1
Phải thu ngắn hạn	247	136	32.9	38.3	228
Hàng tồn kho	22.8	14.6	21.7	41.6	36.4
Tài sản ngắn hạn khác	1.73	1.02	0.98	2.05	1.61
Tài sản dài hạn	24.1	23.7	23.4	23.1	22.7
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	17.1	16.7	16.3	15.9	15.7
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0.08	0.08
Đầu tư tài chính dài hạn	6.80	6.80	6.80	6.80	6.80
Tài sản dài hạn khác	0.20	0.18	0.29	0.25	0.21
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	210	108	65.9	56.0	243
Nợ ngắn hạn	210	108	65.9	56.0	243
Vay và nợ thuê ngắn hạn	27.8	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	136	61.7	26.2	23.5	195
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	96.2	97.5	97.3	90.4	95.9
Vốn chủ sở hữu	96.2	97.5	97.3	90.4	95.9
Vốn điều lệ	50.0	50.0	50.0	50.0	50.0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)